

THÔNG TƯ
Quy định về Chương trình đào tạo, huấn luyện
thuyền viên, hoa tiêu hàng hải

Căn cứ Bộ luật Hàng hải Việt Nam số 95/2015/QH13;

Căn cứ Nghị định số 33/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 29/2017/NĐ-CP của Chính phủ quy định về điều kiện cơ sở đào tạo, huấn luyện và tổ chức tuyển dụng, cung ứng thuyền viên hàng hải được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 147/2018/NĐ-CP, Nghị định số 69/2022/NĐ-CP, Nghị định số 74/2023/NĐ-CP và Nghị định số 14/2026/NĐ-CP;

Thực hiện Công ước quốc tế về tiêu chuẩn huấn luyện, cấp chứng chỉ và trực ca cho thuyền viên năm 1978 và các sửa đổi;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Vận tải và An toàn giao thông và Cục trưởng Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam;

Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Thông tư quy định về Chương trình đào tạo, huấn luyện thuyền viên, hoa tiêu hàng hải.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về chương trình đào tạo, huấn luyện thuyền viên, hoa tiêu hàng hải, bao gồm:

- Chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ, huấn luyện ngắn hạn.
- Chương trình đào tạo nâng cao.
- Chương trình bổ túc.
- Chương trình huấn luyện nghiệp vụ.
- Chương trình đào tạo hoa tiêu.
- Chương trình đào tạo tiếng Anh hàng hải.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với cơ sở đào tạo, huấn luyện thuyền viên, hoa tiêu hàng hải (sau đây viết tắt là cơ sở đào tạo, huấn luyện) và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động đào tạo, huấn luyện thuyền viên, hoa tiêu hàng hải.

Chương II

QUY ĐỊNH VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO HUẤN LUYỆN THUYỀN VIÊN, HOA TIÊU HÀNG HẢI

Điều 3. Chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ, huấn luyện ngắn hạn

1. Chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ để thi, cấp Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn đại phó tàu từ 3000 GT trở lên quy định tại Phụ lục 01 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ để thi, cấp Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn đại phó tàu từ 500 GT đến dưới 3000 GT quy định tại Phụ lục 02 ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ để thi, cấp Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn đại phó tàu dưới 500 GT (hành trình gần bờ) quy định tại Phụ lục 03 ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Chương trình huấn luyện ngắn hạn để thi, cấp Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng tàu dưới 50 GT hành trình gần bờ quy định tại Phụ lục 04 ban hành kèm theo Thông tư này.

5. Chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ để thi, cấp Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn máy hai tàu có tổng công suất máy chính từ 3000 kW trở lên quy định tại Phụ lục 05 ban hành kèm theo Thông tư này.

6. Chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ để thi, cấp Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn máy hai tàu có tổng công suất máy chính từ 750 kW đến dưới 3000 kW quy định tại Phụ lục 06 ban hành kèm theo Thông tư này.

7. Chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ để thi, cấp Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn máy hai tàu có tổng công suất máy chính dưới 750 kW quy định tại Phụ lục 07 ban hành kèm theo Thông tư này.

8. Chương trình huấn luyện ngắn hạn để thi, cấp Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn máy trưởng tàu có tổng công suất máy chính dưới 75 kW quy định tại Phụ lục 08 ban hành kèm theo Thông tư này.

9. Chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ để thi, cấp Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn sỹ quan kỹ thuật điện quy định tại Phụ lục 09 ban hành kèm theo Thông tư này.

10. Chương trình huấn luyện sỹ quan boong tàu từ 500 GT trở lên quy định tại Phụ lục 10 ban hành kèm theo Thông tư này.

11. Chương trình huấn luyện sỹ quan máy tàu có tổng công suất máy chính từ 750 kW trở lên quy định tại Phụ lục 11 ban hành kèm theo Thông tư này.

12. Chương trình huấn luyện sỹ quan kỹ thuật điện quy định tại Phụ lục 12 ban hành kèm theo Thông tư này.

13. Chương trình huấn luyện để cấp Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thủy thủ trực ca OS quy định tại Phụ lục 13 ban hành kèm theo Thông tư này.

14. Chương trình huấn luyện để cấp Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thủy thủ trực ca AB quy định tại Phụ lục 14 ban hành kèm theo Thông tư này.

15. Chương trình huấn luyện để cấp Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thợ máy trực ca Oiler quy định tại Phụ lục 15 ban hành kèm theo Thông tư này.

16. Chương trình huấn luyện để cấp Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thợ máy trực ca AB quy định tại Phụ lục 16 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 4. Chương trình đào tạo nâng cao

1. Chương trình đào tạo nâng cao trình độ cao đẳng để thi, cấp Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn đại phó tàu từ 3000 GT trở lên quy định tại Phụ lục 17 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Chương trình đào tạo nâng cao trình độ trung cấp để thi, cấp Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn sỹ quan boong tàu từ 500 GT trở lên quy định tại Phụ lục 18 ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Chương trình đào tạo nâng cao trình độ sơ cấp ngành điều khiển tàu biển để cấp Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thủy thủ trực ca quy định tại Phụ lục 19 ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Chương trình đào tạo nâng cao trình độ cao đẳng để thi, cấp Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn máy hai tàu có tổng công suất máy chính từ 3000 kW trở lên quy định tại Phụ lục 20 ban hành kèm theo Thông tư này.

5. Chương trình đào tạo nâng cao trình độ trung cấp để thi, cấp Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn sỹ quan máy tàu có tổng công suất máy chính từ 750 kW trở lên quy định tại Phụ lục 21 ban hành kèm theo Thông tư này.

6. Chương trình đào tạo nâng cao trình độ sơ cấp ngành khai thác máy tàu biển để cấp Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thợ máy trực ca quy định tại Phụ lục 22 ban hành kèm theo Thông tư này.

7. Chương trình đào tạo nâng cao trình độ trung cấp để thi, cấp Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn sỹ quan kỹ thuật điện quy định tại Phụ lục 23 ban hành kèm theo Thông tư này.

8. Chương trình đào tạo nâng cao trình độ sơ cấp để cấp Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thợ kỹ thuật điện quy định tại Phụ lục 24 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 5. Chương trình bổ túc

1. Chương trình bổ túc ngành điều khiển tàu biển trình độ đại học quy định tại Phụ lục 25 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Chương trình bổ túc ngành điều khiển tàu biển trình độ cao đẳng quy định tại Phụ lục 26 ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Chương trình bổ túc ngành điều khiển tàu biển trình độ trung cấp quy định tại Phụ lục 27 ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Chương trình bổ túc ngành điều khiển tàu biển trình độ sơ cấp quy định tại Phụ lục 28 ban hành kèm theo Thông tư này.

5. Chương trình bổ túc ngành khai thác máy tàu biển trình độ đại học quy định tại Phụ lục 29 ban hành kèm theo Thông tư này.

6. Chương trình bổ túc ngành khai thác máy tàu biển trình độ cao đẳng quy định tại Phụ lục 30 ban hành kèm theo Thông tư này.

7. Chương trình bổ túc ngành khai thác máy tàu biển trình độ trung cấp quy định tại Phụ lục 31 ban hành kèm theo Thông tư này.

8. Chương trình bổ túc ngành khai thác máy tàu biển trình độ sơ cấp quy định tại Phụ lục 32 ban hành kèm theo Thông tư này.

9. Chương trình bổ túc ngành kỹ thuật điện tàu biển trình độ đại học quy định tại Phụ lục 33 ban hành kèm theo Thông tư này.

10. Chương trình bổ túc ngành kỹ thuật điện tàu biển trình độ cao đẳng quy định tại Phụ lục 34 ban hành kèm theo Thông tư này.

11. Chương trình bổ túc ngành kỹ thuật điện tàu biển trình độ trung cấp quy định tại Phụ lục 35 ban hành kèm theo Thông tư này.

12. Chương trình bổ túc ngành kỹ thuật điện tàu biển trình độ sơ cấp quy định tại Phụ lục 36 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 6. Chương trình huấn luyện nghiệp vụ

1. Chương trình huấn luyện kỹ thuật cứu sinh quy định tại Phụ lục 37 ban hành kèm theo Thông tư này.
2. Chương trình huấn luyện an toàn sinh mạng và trách nhiệm xã hội quy định tại Phụ lục 38 ban hành kèm theo Thông tư này.
3. Chương trình huấn luyện nghiệp vụ trên bè cứu sinh và xuồng cứu nạn quy định tại Phụ lục 39 ban hành kèm theo Thông tư này.
4. Chương trình huấn luyện xuồng cứu nạn cao tốc quy định tại Phụ lục 40 ban hành kèm theo Thông tư này.
5. Chương trình huấn luyện quản lý đám đông đối với tàu khách và tàu khách Ro-Ro quy định tại Phụ lục 41 ban hành kèm theo Thông tư này.
6. Chương trình huấn luyện an toàn cho nhân viên phục vụ trực tiếp trên khoang hành khách tàu khách và tàu khách Ro-Ro quy định tại Phụ lục 42 ban hành kèm theo Thông tư này.
7. Chương trình huấn luyện an toàn hành khách, an toàn hàng hóa và tính nguyên vẹn của vỏ tàu đối với tàu khách và tàu khách Ro-Ro quy định tại Phụ lục 43 ban hành kèm theo Thông tư này.
8. Chương trình huấn luyện quản lý khủng hoảng và phản ứng của con người trên tàu khách và tàu khách Ro-Ro quy định tại Phụ lục 44 ban hành kèm theo Thông tư này.
9. Chương trình huấn luyện nhận thức an ninh tàu biển quy định tại Phụ lục 45 ban hành kèm theo Thông tư này.
10. Chương trình huấn luyện thuyền viên có nhiệm vụ an ninh tàu biển cụ thể quy định tại Phụ lục 46 ban hành kèm theo Thông tư này.
11. Chương trình huấn luyện sỹ quan an ninh tàu biển quy định tại Phụ lục 47 ban hành kèm theo Thông tư này.
12. Chương trình huấn luyện phòng cháy chữa cháy quy định tại Phụ lục 48 ban hành kèm theo Thông tư này.
13. Chương trình huấn luyện phòng cháy chữa cháy nâng cao quy định tại Phụ lục 49 ban hành kèm theo Thông tư này.
14. Chương trình huấn luyện cơ bản cho thuyền viên làm việc trên tàu dầu và tàu hóa chất quy định tại Phụ lục 50 ban hành kèm theo Thông tư này.
15. Chương trình huấn luyện nâng cao cho thuyền viên làm việc trên tàu dầu quy định tại Phụ lục 51 ban hành kèm theo Thông tư này.
16. Chương trình huấn luyện nâng cao cho thuyền viên làm việc trên tàu hóa chất quy định tại Phụ lục 52 ban hành kèm theo Thông tư này.

17. Chương trình huấn luyện cơ bản cho thuyền viên làm việc trên tàu khí hóa lỏng quy định tại Phụ lục 53 ban hành kèm theo Thông tư này.

18. Chương trình huấn luyện nâng cao cho thuyền viên làm việc trên tàu khí hóa lỏng quy định tại Phụ lục 54 ban hành kèm theo Thông tư này.

19. Chương trình huấn luyện sơ cứu cơ bản quy định tại Phụ lục 55 ban hành kèm theo Thông tư này.

20. Chương trình huấn luyện sơ cứu y tế quy định tại Phụ lục 56 ban hành kèm theo Thông tư này.

21. Chương trình huấn luyện chăm sóc y tế quy định tại Phụ lục 57 ban hành kèm theo Thông tư này.

22. Chương trình huấn luyện quản lý nguồn lực buồng lái quy định tại Phụ lục 58 ban hành kèm theo Thông tư này.

23. Chương trình huấn luyện quản lý nguồn lực buồng máy quy định tại Phụ lục 59 ban hành kèm theo Thông tư này.

24. Chương trình huấn luyện sử dụng Radar và ARPA hàng hải mức vận hành quy định tại Phụ lục 60 ban hành kèm theo Thông tư này.

25. Chương trình huấn luyện sử dụng Radar và ARPA hàng hải mức quản lý quy định tại Phụ lục 61 ban hành kèm theo Thông tư này.

26. Chương trình huấn luyện khai thác hệ thống thông tin và chỉ báo hải đồ điện tử (ECDIS) quy định tại Phụ lục 62 ban hành kèm theo Thông tư này.

27. Chương trình huấn luyện viên chính quy định tại Phụ lục 63 ban hành kèm theo Thông tư này.

28. Chương trình huấn luyện cơ bản thuyền viên làm việc trên tàu cao tốc quy định tại Phụ lục 64 ban hành kèm theo Thông tư này.

29. Chương trình huấn luyện nâng cao thuyền viên làm việc trên tàu cao tốc quy định tại Phụ lục 65 ban hành kèm theo Thông tư này.

30. Chương trình huấn luyện cơ bản thuyền viên làm việc trên tàu hoạt động tại các vùng nước cực quy định tại Phụ lục 66 ban hành kèm theo Thông tư này.

31. Chương trình huấn luyện nâng cao thuyền viên làm việc trên tàu hoạt động tại các vùng nước cực quy định tại Phụ lục 67 ban hành kèm theo Thông tư này.

32. Chương trình huấn luyện cơ bản thuyền viên làm việc trên tàu sử dụng nhiên liệu có điểm chớp cháy thấp theo Bộ luật IGF quy định tại Phụ lục 68 ban hành kèm theo Thông tư này.

33. Chương trình huấn luyện nâng cao thuyền viên làm việc trên tàu sử dụng nhiên liệu có điểm chớp cháy thấp theo Bộ luật IGF quy định tại Phụ lục 69 ban hành kèm theo Thông tư này.

34. Chương trình huấn luyện bếp trưởng, cấp dưỡng quy định tại Phụ lục 70 ban hành kèm theo Thông tư này.

35. Chương trình huấn luyện vô tuyến điện viên Hệ thống thông tin an toàn và cứu nạn hàng hải toàn cầu hạng tổng quát quy định tại Phụ lục 71 ban hành kèm theo Thông tư này.

36. Chương trình huấn luyện vô tuyến điện viên Hệ thống thông tin an toàn và cứu nạn hàng hải toàn cầu hạng hạn chế quy định tại Phụ lục 72 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 7. Chương trình đào tạo hoa tiêu

1. Chương trình đào tạo hoa tiêu hàng hải cơ bản quy định tại Phụ lục 73 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Chương trình đào tạo hoa tiêu hàng hải nâng cao quy định tại Phụ lục 74 ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Chương trình đào tạo hoa tiêu hàng hải cho thuyền trưởng tự dẫn tàu quy định tại Phụ lục 75 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 8. Chương trình đào tạo tiếng Anh hàng hải

1. Chương trình đào tạo tiếng Anh hàng hải chuyên ngành điều khiển tàu biển trình độ 1 quy định tại Phụ lục 76 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Chương trình đào tạo tiếng Anh hàng hải chuyên ngành điều khiển tàu biển trình độ 2 quy định tại Phụ lục 77 ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Chương trình đào tạo tiếng Anh hàng hải chuyên ngành điều khiển tàu biển trình độ 3 quy định tại Phụ lục 78 ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Chương trình đào tạo tiếng Anh hàng hải chuyên ngành khai thác máy tàu biển trình độ 1 quy định tại Phụ lục 79 ban hành kèm theo Thông tư này.

5. Chương trình đào tạo tiếng Anh hàng hải chuyên ngành khai thác máy tàu biển trình độ 2 quy định tại Phụ lục 80 ban hành kèm theo Thông tư này.

6. Chương trình đào tạo tiếng Anh hàng hải chuyên ngành khai thác máy tàu biển trình độ 3 quy định tại Phụ lục 81 ban hành kèm theo Thông tư này.

Chương III

TRÁCH NHIỆM CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC TRONG VIỆC ĐÀO TẠO, HUẤN LUYỆN THUYỀN VIÊN, HOA TIÊU HÀNG HẢI

Điều 9. Trách nhiệm của Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam

1. Tổ chức thanh tra, kiểm tra về công tác đào tạo, huấn luyện thuyền viên, hoa tiêu hàng hải.

2. Thực hiện đánh giá sự phù hợp của nội dung chương trình với quy định của Công ước quốc tế về tiêu chuẩn huấn luyện, cấp chứng chỉ và trực ca cho thuyền viên năm 1978 và các sửa đổi (sau đây viết tắt là Công ước STCW) trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo ban hành mới hoặc sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình đào tạo, huấn luyện chi tiết của cơ sở đào tạo, huấn luyện; trường hợp phát hiện chương trình chưa phù hợp thì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành việc kiểm tra, đánh giá, thông báo bằng văn bản cho cơ sở đào tạo, huấn luyện, nêu rõ nội dung cần sửa đổi, bổ sung.

Điều 10. Trách nhiệm của các cơ sở đào tạo, huấn luyện

1. Các cơ sở đào tạo, huấn luyện tổ chức thực hiện Thông tư này trong phạm vi trách nhiệm.

2. Các cơ sở đào tạo, huấn luyện tổ chức đào tạo, huấn luyện thuyền viên, hoa tiêu hàng hải theo chương trình quy định tại Thông tư này.

3. Xây dựng, ban hành chương trình chi tiết, tài liệu giảng dạy theo quy định về chương trình đào tạo, huấn luyện do Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành; thường xuyên rà soát, cập nhật chương trình chi tiết và tài liệu giảng dạy theo các văn bản quy phạm pháp luật, Công ước quốc tế có liên quan và chương trình mẫu của Tổ chức Hàng hải quốc tế.

4. Ban hành tiêu chí đánh giá, bao gồm lý thuyết và thực hành đối với từng chương trình đào tạo, huấn luyện chi tiết, bảo đảm phù hợp tiêu chuẩn năng lực tương ứng theo Công ước STCW.

5. Thông báo cho Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi ban hành mới hoặc sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình đào tạo, huấn luyện chi tiết.

6. Có các giải pháp bảo đảm chất lượng và minh chứng về chất lượng tổ chức lớp học bằng phương thức trực tuyến không thấp hơn chất lượng lớp học bằng phương thức trực tiếp; nhận dạng, xác thực người học khi tham gia các lớp đào tạo trực tuyến.

7. Xây dựng cơ sở dữ liệu về quản lý học viên, quản lý thi, xếp thời khóa biểu các khóa đào tạo, huấn luyện; cơ sở dữ liệu về quản lý chứng chỉ nghiệp vụ đề tra cứu theo quy định của Công ước STCW. Cơ sở dữ liệu về quản lý chứng chỉ nghiệp vụ của các cơ sở đào tạo, huấn luyện thuyền viên phải liên kết vào cơ sở dữ liệu thuyền viên của Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam.

8. Cập nhật đầy đủ, chính xác dữ liệu về chứng chỉ nghiệp vụ, giấy chứng nhận hoàn thành khóa huấn luyện hoặc quyết định tốt nghiệp lên cơ sở dữ liệu của cơ sở đào tạo, huấn luyện và liên kết với cơ sở dữ liệu thuyền viên của Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam chậm nhất trong 01 ngày làm việc kể từ ngày cấp; cập nhật việc sửa đổi, đính chính, thu hồi, hủy bỏ hoặc thay thế giấy tờ đã cấp.

9. Lưu trữ quyết định mở khoá và danh sách học viên kèm theo, quyết định công nhận tốt nghiệp; danh sách thí sinh được công nhận tốt nghiệp; bài thi, kiểm tra, nhật ký học tập và kết quả học tập theo quy định của pháp luật lưu trữ.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 11. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2026.
2. Thông tư số 57/2023/TT-BGTVT của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định Chương trình đào tạo, huấn luyện thuyền viên, hoa tiêu hàng hải hết hiệu lực từ ngày 01 tháng 12 năm 2026.

Điều 12. Điều khoản chuyển tiếp

Các cơ sở đào tạo, huấn luyện có trách nhiệm hoàn thiện chương trình chi tiết, tài liệu giảng dạy quy định tại Thông tư này chậm nhất trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày Thông tư có hiệu lực. Trong thời gian các cơ sở đào tạo, huấn luyện hoàn thiện chương trình chi tiết, tài liệu giảng dạy theo quy định tại Thông tư này thì được tiếp tục đào tạo, huấn luyện theo quy định tại Thông tư số 57/2023/TT-BGTVT. Trừ trường hợp thực hiện theo quy định của Chính phủ./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Bộ trưởng (để b/c)
- Các Thứ trưởng Bộ Xây dựng;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ Xây dựng;
- Báo Xây dựng, Tạp chí Xây dựng;
- Lưu: VT, Vụ VT&ATGT.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Xuân Sang